TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 12 - 2022
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Huỳnh Minh Chánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật.

2. Ông Nguyễn Văn Thơi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phụng là Thư ký Toà án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 257/2022 TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 và giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG.

2. Bị đơn: Chị Lê Thị Mỹ X, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, thị trấn Vĩnh Viễn, huyện LM, tỉnh HG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn văn T (gọi tắt anh T) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị X quen biết với nhau và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Vĩnh Viễn (nay là thị trấn Vĩnh Viễn), huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng

quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cải, vợ chồng sống tính tình không hợp với nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên cuộc sống chung không hạnh phúc, anh T và chị X ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nên anh T quyết định ly hôn với chị Xn.

Về con chung: Có 02 con chung:

1/ Nguyễn Thị Tuyết M (giới tính: nữ) sinh ngày 16/6/2005.

2/ Nguyễn Văn D (giới tính: nam) sinh ngày 20/9/2010.

Hiện cháu Nguyễn Thị Tuyết M đang sống với chị X, cháu Nguyễn Văn D đang sống với anh T.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị Mỹ X vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt và có cung cấp lời khai: Chị X cũng thống nhất lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung và nợ chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn là do chị X và anh T chung sống với nhau nhưng tính tình không phù hợp, thường xuyên cự cải, nên nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa, chị X với anh T đã ly thân từ năm 2014 đến nay.

Nay chị X yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị X đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị X yêu cầu tiếp tục được nuôi đứa con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M, hiện nay cháu M đang sống với chị X, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị X xác định không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị X xác định không có, nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự tranh chấp với nhau về việc ly hôn. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - ly hôn và nuôi con chung". Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Bị đơn chị Lê Thị Mỹ X có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị X nhưng vẫn đảm bảo quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:*

Đối với quan hệ hôn nhân, anh T và chị X tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Viễn (nay là thị trấn Vĩnh Viễn), huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang theo quy định pháp luật nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh T và chị X phát sinh nhiều mâu thuẫn. Anh T cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị X không thể hàn gắn, anh T không còn tình cảm đối với chị X và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với chị X.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành hòa giải, để động viên anh chị đoàn tụ nhưng anh T quyết định ly hôn, riêng chị X vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và đồng ý ly hôn với anh T. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận: Quan hệ tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị X thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó cho thấy, đời sống chung của vợ chồng anh T và chị X không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ mà anh T yêu cầu xin ly hôn với chị X là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa, anh T vẫn cương quyết xin ly hôn với chị X nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T. Cho anh T và chị X được ly hôn.

[2]. *Về con chung:* Anh T và chị X thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết M (giới tính: nữ), sinh năm 2008 và Nguyễn văn D (giới tính: nam) sinh năm 2010. Hiện nay cháu Tuyết M chung sống với chị X và cháu D chung sống với anh T, khi ly hôn anh T yêu cầu được nuôi cháu D, anh T đồng ý để cho chị X tiếp tục nuôi cháu Tuyết M. Anh T và Chị X không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi anh T và chị X ly thân cho đến nay, cháu Tuyết M sống chung với chị X, được chị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tuy nhiên xét thấy cháu Tuyết M là giới tính nữ, hơn nữa cháu Tuyết M có nguyện vọng sống với chị X là phù hợp theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định. Do đó, để tạo thuận lợi cho việc chăm sóc, giáo dục con chung, để đảm bảo lợi ích, sự ổn định trong cuộc sống và sự phát triển toàn diện của cháu Tuyết M nên Hội đồng xét xử thống nhất cho chị X tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyết M. Anh T được tiếp tục nuôi cháu D (giới tính: nam) sinh năm 2010, hiện cháu D đang sống chung với anh T. Do chị X và anh T chưa ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét. Chị X và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. *Về tài sản chung:* Anh T và chị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về nợ chung:* Anh T và chị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 9, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T đối với bị đơn Lê Thị Mỹ X.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Mỹ X thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Cho chị Lê Thị Mỹ X được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn ThịTuyết M (giới tính: nữ) sinh năm 2008. Cho anh Nguyễn Văn T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Văn D (giới tính: nam) sinh năm 2010, hiện cháu D đang sống chung với anh T, cháu Tuyết M đang sống với chị X.

Về cấp dưỡng: Anh T và chị X chưa ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét. Chị X và anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh T và chị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh T và chị X xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn văn T phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo lai

thu số 0006585 ngày 21/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/12/2022). Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Long Mỹ;
- THADS H. Long Mỹ;
- UBND thị trấn Vĩnh Viễn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Huỳnh Minh Chánh